

# SỰ PHÁT TRIỂN CỦA PHÁP LUẬT DOANH NGHIỆP VIỆT NAM NHÌN TỪ NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT DOANH NGHIỆP NĂM 2020

**TRẦN THỊ BẢO ÁNH \***  
**NGUYỄN THỊ YẾN \*\***

**Tóm tắt:** Bài viết này giới thiệu những điểm mới cơ bản của Luật Doanh nghiệp năm 2020 trong tiến trình thay đổi tư duy về quản lý kinh tế của Nhà nước Việt Nam từ năm 1986 đến nay; đồng thời đánh giá những kỳ vọng về tác động tích cực của Luật Doanh nghiệp năm 2020 đến nền kinh tế Việt Nam.

**Từ khóa:** Luật doanh nghiệp; quản trị doanh nghiệp; sự phát triển

**Nhận bài:** 01/10/2021

**Hoàn thành biên tập:** 25/02/2022

**Duyệt đăng:** 25/02/2022

DEVELOPMENT OF VIETNAMESE ENTERPRISE LAWS FROM NEW POINTS OF THE 2020 LAW ON ENTERPRISES

**Abstract:** This article highlights fundamental new points of the 2020 Law on Enterprises which reflects the evolution in economic management mindset of the State of Vietnam since 1986, as well as evaluating positive contributions of the 2020 Law on Enterprises to Vietnamese economy.

**Keywords:** Enterprise law; corporate governance; evolution

**Received:** Oct 1<sup>st</sup>, 2021; **Editing completed:** Feb 25<sup>th</sup>, 2022; **Accepted for publication:** Feb 25<sup>th</sup>, 2022

Vào thế kỉ XVIII, sự thắng lợi của cách mạng tư sản ở châu Âu đã dẫn tới sự ra đời của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và sự ghi nhận quyền tự do kinh doanh. Doanh nghiệp là một trong những hình thức pháp lý để thương nhân thực hiện quyền tự do kinh doanh: “*Muốn kinh doanh, thương nhân phải chọn một trong số những loại hình mà người làm luật quy định, rất đa dạng, tùy theo pháp luật từng nước, song có thể quy nạp vào ba loại chính: công ti, hợp danh và cá nhân kinh doanh...*”<sup>1</sup>. Môi

trường pháp lý để doanh nghiệp hoạt động kinh doanh bao gồm hệ thống văn bản quy phạm pháp luật thống nhất nhưng xét về chức năng thì có thể được chia thành ba bộ phận có mối quan hệ chặt chẽ với nhau<sup>2</sup>: 1) Bộ phận pháp luật hình thành, tạo lập doanh nghiệp là luật về các loại hình doanh nghiệp. Doanh nghiệp được điều chỉnh bởi Luật Doanh nghiệp (LDN) hoặc Luật Công ti tùy theo cách đặt tên luật của mỗi nước nhưng nội dung cơ bản của luật gồm quy định về các loại hình doanh nghiệp; về việc gia nhập thị trường, tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp và tổ chức quản lý doanh

\* Tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội

E-mail: baoanhplkt@hlu.edu.vn

\*\* Tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội

E-mail: ntyen.law@hlu.edu.vn

<sup>1</sup> Phạm Duy Nghĩa, *Chuyên khảo Luật Kinh tế*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2004, tr. 249, 250.

<sup>2</sup> Dương Đăng Huệ, *Luật doanh nghiệp chung: cần hay không cần ban hành?*, <http://www.lappphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=208863>, truy cập 01/9/2021.

ng nghiệp; 2) Bộ luật Dân sự, Luật Thương mại quy định về cách thức xử sự, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể kinh doanh khi tham gia vào quan hệ thị trường; 3) Pháp luật về giải thể và phá sản doanh nghiệp quy định về việc chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp. Bài viết này giới thiệu bộ phận pháp luật thứ nhất, phân tích về quá trình phát triển của LDN và đưa ra một số đánh giá về tác động có tính dự báo của LDN năm 2020 đến hoạt động kinh doanh ở Việt Nam.

### **1. Sơ lược về quá trình phát triển của Luật Doanh nghiệp từ năm 1999 đến năm 2014 ở Việt Nam**

Sau năm 1975, Việt Nam đã xây dựng các quan hệ kinh tế xã hội chủ nghĩa dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, kế hoạch hoá tập trung bao cấp cao độ, thừa nhận hai thành phần kinh tế là kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể. Các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế tư nhân không được thừa nhận, không có văn bản pháp luật riêng điều chỉnh.

Cơ sở hình thành quyền tự do kinh doanh ở Việt Nam bắt đầu là đường lối đổi mới được khẳng định tại Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam, theo đó *“ghi nhận nền kinh tế có cơ cấu nhiều thành phần, quyết định xóa bỏ cơ chế quản lý kế hoạch hoá tập trung hành chính, bao cấp chuyển sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa phát triển nền kinh tế hàng hoá...”*<sup>3</sup>. Từ chủ trương đó, năm 1990, Quốc hội ban hành Luật Công ti và LDN tư nhân (LDN tư nhân năm 1990

gồm 28 điều, Luật Công ti năm 1990 gồm 46 điều). Đây là những văn bản pháp lý đầu tiên cho phép thành lập doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế tư nhân như công ti trách nhiệm hữu hạn, công ti cổ phần và doanh nghiệp tư nhân. Ngày 22/6/1994, hai đạo luật trên được sửa đổi, bổ sung một số điều. LDN tư nhân và Luật Công ti đã xây dựng hành lang pháp lý và tạo điều kiện cho sự phát triển của doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế tư nhân; bước đầu ghi nhận quyền tự do kinh doanh, bảo hộ quyền sở hữu về tư liệu sản xuất, quyền thừa kế về vốn, tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của chủ doanh nghiệp tư nhân hoặc thành viên công ti. Tuy nhiên, quy định về gia nhập thị trường, quản trị doanh nghiệp và quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp chưa phù hợp với sự vận động của nền kinh tế thị trường. Thủ tục thành lập doanh nghiệp trải qua hai giai đoạn: thành lập và đăng ký kinh doanh với cơ chế “xin - cho”: xin phép thành lập, cho phép thành lập doanh nghiệp; yêu cầu phải có vốn pháp định để thành lập doanh nghiệp; các quy định về quản trị công ti sơ sài; thiếu rõ ràng trong quy định về trách nhiệm và sự phối hợp của các cơ quan quản lý nhà nước đã tạo ra cơ chế quản lý nhà nước không chặt chẽ và gây nhiều khó khăn cho doanh nghiệp trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh.

Ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính ở châu Á năm 1997 - 1999 đã dẫn đến hệ quả sụt giảm đầu tư nước ngoài vào Việt Nam và đặt ra vấn đề cấp thiết phải xây dựng đạo luật nhằm thu hút tối đa nguồn lực đầu tư của các tổ chức, cá nhân trong nước. Mặt khác, quyền tự do kinh doanh lần đầu tiên được ghi nhận chính thức tại Điều 57 Hiến pháp năm 1992 (*“Công dân có quyền tự do kinh doanh theo quy định của pháp*

<sup>3</sup> Nguyễn Thị Dung, “Quyền tự do kinh doanh trong pháp luật Việt Nam - Động lực phát triển kinh tế-xã hội và những rào cản cần tháo gỡ” trong Sách chuyên khảo *Luật học Việt Nam - Những vấn đề đương đại*, Trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2019, tr. 727.



luật”) cần được luật hoá. LDN năm 1999 đã ra đời trong bối cảnh đó và được Quốc hội khoá X thông qua ngày 12/6/1999 gồm 10 chương, 124 điều. LDN năm 1999 đã thể hiện sự đổi mới cơ chế quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp theo tư duy quản lý mới là “xác định vai trò của Nhà nước là người thúc đẩy, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển, quyền kinh doanh là quyền của người dân, nhà nước cần phải đơn giản hoá các thủ tục hành chính trong việc thành lập doanh nghiệp, xóa bỏ chế độ xin phép - cho phép thành lập doanh nghiệp”<sup>4</sup>. Lần đầu tiên một đạo luật về doanh nghiệp đã phân định nguyên tắc người thành lập doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đăng ký kinh doanh; cơ quan đăng ký kinh doanh chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ; phân tách quyền tự do kinh doanh và quyền hành nghề kinh doanh trong một số lĩnh vực cần thiết đòi hỏi phải đáp ứng các điều kiện kinh doanh; bãi bỏ quy định về vốn pháp định một cách phổ biến mà chỉ tồn tại vốn pháp định trong một số ngành nghề; thay đổi tư duy cho phép thành lập doanh nghiệp thành ghi nhận quyền thành lập doanh nghiệp của tổ chức, cá nhân; bổ sung loại hình công ty hợp danh không có tư cách pháp nhân và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do một tổ chức làm chủ sở hữu; bổ sung quy định về tổ chức lại doanh nghiệp đồng thời hoàn thiện các quy định về quản trị công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH), công ty cổ phần. LDN năm 1999 được coi là một trong những đột phá lớn về đổi mới thể chế, là luật đầu tiên ghi nhận về quyền tự do kinh

doanh của tổ chức, cá nhân; giảm chi phí gia nhập thị trường; tăng an toàn, giảm rủi ro trong kinh doanh cho các nhà đầu tư.

Từ năm 2000 đến năm 2004, “nền kinh tế nước ta phụ thuộc đáng kể vào nền kinh tế thế giới ở cả đầu vào lẫn đầu ra, vì vậy, muốn tăng trưởng cao, cần tranh thủ các nguồn vốn từ bên ngoài vào thị trường để tiêu thụ sản phẩm, nhất là sức mua của thị trường trong nước đang còn hạn chế”<sup>5</sup>, do đó cần thiết tham gia vào quá trình hội nhập quốc tế để mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa, cung ứng dịch vụ và nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp Việt Nam. Việc gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) là bước đi lớn, là xu thế chung của các quốc gia nhằm hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu. Tuy nhiên, phạm vi và đối tượng điều chỉnh của LDN năm 1999 còn hạn chế: “Hạn chế của LDN có tính lịch sử và tính thực tiễn của nó. Xây dựng và phát triển kinh tế nhiều thành phần được coi là một trong những quan điểm và định hướng của công cuộc đổi mới ở Việt Nam. Tuy vậy, các thành phần kinh tế không xuất hiện cùng một lúc và có vị thế khác nhau trong nền kinh tế. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và kinh tế tư nhân là sản phẩm của quá trình đổi mới; xuất hiện được thừa nhận và phát triển cùng với phạm vi và mức độ của đổi mới. Do đó, pháp luật nhất là pháp luật về loại hình doanh nghiệp đã hình thành một cách riêng

<sup>4</sup> Viện Khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp, *Chuyên đề về một số điểm mới cơ bản của Luật Doanh nghiệp*, Hà Nội, 2000, tr. 56.

<sup>5</sup> Vũ Khoan, *Gia nhập WTO: “Quá lạc quan hay quá bi quan đều không phù hợp”*, [https://www.mof.gov.vn/webcenter/portal/cqlgsbh/r/m/tqlgs/tlghcdvpdd/tlghcdvpdd\\_chitiet?dDocName=BTC334875&dID=61641&\\_afLoop=6070953257552409#%40%3FdID%3D61641%26\\_afLoop%3D6070953257552409%26dDocName%3DBTC334875%26\\_adf.ctrl-state%3D15cmlfcq3j\\_4](https://www.mof.gov.vn/webcenter/portal/cqlgsbh/r/m/tqlgs/tlghcdvpdd/tlghcdvpdd_chitiet?dDocName=BTC334875&dID=61641&_afLoop=6070953257552409#%40%3FdID%3D61641%26_afLoop%3D6070953257552409%26dDocName%3DBTC334875%26_adf.ctrl-state%3D15cmlfcq3j_4), truy cập 01/9/2021.

lê theo thời gian, tách biệt theo thành phần kinh tế”<sup>6</sup>. Để gia nhập WTO, Việt Nam phải thay đổi khung pháp luật, ví dụ thay đổi phạm vi điều chỉnh của LDN năm 1999 nhằm thích ứng với các giá trị cơ bản cốt lõi của WTO như tự do thương mại, cạnh tranh công bằng và không phân biệt đối xử. Để tuân thủ nguyên tắc đối xử quốc gia, “LDN nhà nước đã được loại bỏ và thay thế bằng LDN năm 2005, thống nhất áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp không phân biệt thành phần sở hữu”<sup>7</sup>. Ngày 29/11/2005, Quốc hội khoá XI đã thông qua LDN năm 2005, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2006 gồm 10 chương, 173 điều. LDN năm 2005 được đánh giá là có nhiều cải cách quan trọng để phù hợp với tình hình xã hội và nhu cầu phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế. Điểm đổi mới cơ bản của LDN năm 2005 là đã thống nhất các quy định về thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; kế thừa và phát huy tinh thần của LDN năm 1999, tiếp tục mở rộng quyền tự do kinh doanh, rút ngắn thời gian đăng ký doanh nghiệp còn 10 ngày so với 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ của LDN năm 1999; mở rộng loại hình công ty TNHH một thành viên do một cá nhân làm chủ; quy định công ty hợp danh có tư cách pháp nhân; hoàn thiện hơn các quy định về quản trị doanh nghiệp theo thông lệ quốc tế.

<sup>6</sup> Tổ chức Hợp tác kỹ thuật Đức, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, *Thời điểm cho sự thay đổi: Đánh giá Luật Doanh nghiệp và kiến nghị*, Chương trình phát triển Liên hợp quốc, Hà Nội, tháng 11/2004, tr. 3.

<sup>7</sup> Ủy ban kinh tế của Quốc hội, Nhóm tư vấn chính sách kinh tế vĩ mô, *Báo cáo kinh tế vĩ mô 2014*, [https://fsppm.fulbright.edu.vn/cache/Bao%20cao%20Kinh%20te%20vi%20mo%202014\\_Chuong%206-2014-09-29-13285654.pdf](https://fsppm.fulbright.edu.vn/cache/Bao%20cao%20Kinh%20te%20vi%20mo%202014_Chuong%206-2014-09-29-13285654.pdf), truy cập 02/9/2021.

Trong thực tiễn thực hiện pháp luật, LDN năm 2005 bộc lộ một số tồn tại như: chưa đơn giản hóa thủ tục gia nhập thị trường: nhà đầu tư phải thực hiện nhiều thủ tục để thành lập doanh nghiệp như đăng ký kinh doanh, đăng ký mã số thuế, nhà đầu tư phải chuẩn bị các giấy tờ xác nhận đáp ứng điều kiện kinh doanh trong hồ sơ đăng ký kinh doanh đối với một số ngành nghề; quy định về quản trị công ty chưa đáp ứng tốt các nguyên tắc quản trị theo thông lệ tốt... Tổng kết lại quá trình thực hiện LDN năm 2005, có thể nhận thấy có ba nhóm vấn đề phát sinh: “một là nhóm các vấn đề phát sinh do những khiếm khuyết trong nội dung của LDN; hai là nhóm các vấn đề do tổ chức triển khai thực hiện luật, và cuối cùng là các vấn đề do sự chưa tương thích, chồng chéo giữa LDN và một số luật có liên quan”<sup>8</sup>. Việc sửa đổi LDN năm 2005 được đặt ra và vào ngày 26/11/2014, Quốc hội đã thông qua LDN năm 2014, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2015 gồm 10 chương, 213 điều. LDN năm 2014 được xem là đột phá thể chế lần thứ hai sau đột phá thể chế của LDN năm 1999. LDN năm 2014 đã luật hoá quy định tại Điều 33 Hiến pháp năm 2013: “Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm” và có những đột phá cơ bản sau:

- Đơn giản hoá thủ tục đăng ký kinh doanh và hợp nhất đăng ký kinh doanh thành thủ tục đăng ký doanh nghiệp; bỏ ghi ngành nghề kinh doanh trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, bỏ việc xác định vốn pháp định, chứng chỉ hành nghề; bỏ sung quy định

<sup>8</sup> Ngô Huy Cương, *Sửa đổi Luật Doanh nghiệp năm 2005: phân tích, bình luận và kiến nghị*, <http://lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=208126>, truy cập 02/9/2021.



đăng kí kinh doanh qua mạng điện tử; rút ngắn thời gian cấp giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp còn 03 ngày thay vì 10 ngày trong quy định của LDN năm 2005; chuyển cơ chế tiền kiểm sang hậu kiểm;

- Quy định mới về con dấu: Doanh nghiệp có quyền quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của doanh nghiệp thay vì đăng kí con dấu với cơ quan công an;

- Cùng với Luật Đầu tư năm 2014, LDN năm 2014 đã phân tách thủ tục đăng kí doanh nghiệp và thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng kí đầu tư;

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin như việc ghi nhận về Cổng thông tin quốc gia về đăng kí doanh nghiệp hay quy định cuộc họp được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử;

- LDN năm 2014 đã chỉnh sửa, bổ sung các quy định về quản trị của doanh nghiệp: sửa đổi quy định về người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần có thể nhiều hơn một người; quy định thêm mô hình quản trị công ty cổ phần với mô hình thành viên độc lập hội đồng quản trị; hạ thấp tỉ lệ thông qua nghị quyết của đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của hội đồng thành viên theo đúng thông lệ quốc tế; hoàn thiện các quy định bảo vệ cổ đông một cách công bằng và các cách thức cụ thể để bảo vệ cổ đông; hoàn thiện các quy định về trách nhiệm của người quản lí công ty;

- Bổ sung quy định về doanh nghiệp xã hội nhằm thu hút đầu tư thành lập doanh nghiệp xã hội để chia sẻ cùng nhà nước trong việc giải quyết các trách nhiệm xã hội như giải quyết cung cấp các sản phẩm, dịch vụ phù hợp với nhu cầu của cộng đồng có hoàn cảnh đặc biệt; tạo cơ hội hoà nhập xã

hội và cơ hội việc làm cho các cá nhân và cộng đồng yếu thế; đưa ra các giải pháp mới cho những vấn đề xã hội chưa được đầu tư rộng rãi như biến đổi khí hậu, năng lượng thay thế, tái chế...

Tuy nhiên, sau một thời gian áp dụng vào thực tiễn, LDN năm 2014 đã bộc lộ những bất cập, vướng mắc ảnh hưởng đến hiệu quả thực thi pháp luật, đặt ra yêu cầu sửa đổi, bổ sung LDN năm 2014 để Luật đáp ứng ngày càng tốt hơn đòi hỏi của thực tiễn: *“Mục tiêu sửa đổi LDN là hoàn thiện khung khổ pháp lí về tổ chức quản trị doanh nghiệp đạt chuẩn mực của thông lệ tốt và phổ biến ở khu vực và quốc tế; thúc đẩy phát triển doanh nghiệp, thu hút vốn, nguồn lực vào sản xuất kinh doanh; góp phần nâng cao chất lượng môi trường kinh doanh theo mục tiêu mà Chính phủ đã đặt ra là thuộc nhóm các nước ASEAN 4. Do đó, quan điểm khi sửa đổi LDN là: (i) Tiếp tục kế thừa, tiếp tục phát huy kết quả và tác động tốt của các cải cách trong các LDN năm 1999, 2005 và 2014 trong hiện thực hoá đầy đủ quyền tự do kinh doanh theo nguyên tắc doanh nghiệp được quyền kinh doanh tất cả ngành nghề mà pháp luật không cấm hoặc không hạn chế; (ii) Bảo đảm luật hoá đầy đủ nội dung của nghị quyết của Đảng về phát triển kinh tế tư nhân, nâng cao hiệu lực quản trị và hiệu quả hoạt động doanh nghiệp nhà nước; thực hiện đầy đủ các nội dung của nghị quyết của Đảng, của Chính phủ về hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia”<sup>9</sup>.*

<sup>9</sup> Chính phủ, *Tờ trình Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) số 533/TTr-CP ngày 28/10/2019*, <http://www.mpi.gov.vn/Pages/tinbai.aspx?idTin=44300&idcm=140>, truy cập 02/9/2021.

## **2. Một số điểm mới cơ bản của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và dự báo những tác động tích cực của Luật đối với hoạt động kinh doanh**

### *2.1. Một số điểm mới cơ bản của Luật Doanh nghiệp năm 2020*

Ngày 17/6/2020, tại kì họp thứ 9, Quốc hội khoá XIV thông qua LDN năm 2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021. LDN năm 2020 gồm 10 chương, 218 điều với một số điểm mới cơ bản sau:

*Thứ nhất*, hoàn thiện quy định thủ tục thành lập doanh nghiệp

*Một là*, LDN năm 2020 đã sửa đổi, bổ sung quy định về chủ thể không có quyền thành lập doanh nghiệp

- So với LDN năm 2014, khoản 2 Điều 17 LDN năm 2020 đã bổ sung một số chủ thể không có quyền thành lập doanh nghiệp như: công nhân công an trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam để phù hợp với quy định của Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018; tổ chức là pháp nhân thương mại bị cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định theo quy định của Bộ luật Hình sự để phù hợp với quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

- Quy định rõ ràng hơn đối tượng cán bộ, công chức, viên chức bị cấm thành lập doanh nghiệp theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức thay thế cho quy định của LDN năm 2014 cấm cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức. Sự thay đổi này nhằm đảm bảo sự đồng bộ thống nhất với quy định tại khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013: *“Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lí do quốc*

*phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khoẻ của cộng đồng”*.

*Hai là*, đơn giản hoá thủ tục gia nhập thị trường như bỏ thủ tục thông báo mẫu dấu; luật hoá quy định về đăng kí doanh nghiệp qua mạng điện tử.

- LDN năm 2020 bỏ thủ tục thông báo mẫu dấu của doanh nghiệp (không phải bỏ con dấu) từ những cơ sở lí luận và thực tiễn sau:

+ Từ thực tiễn thực hiện pháp luật có thể thấy thủ tục thông báo mẫu dấu không cần thiết và không rõ mục tiêu quản lí nhà nước. LDN năm 2014 đã có cải cách lớn khi trao quyền quyết định cơ chế quản lí con dấu cho doanh nghiệp. Doanh nghiệp có quyền quyết định việc có hay không có con dấu, quyết định cách thức sử dụng con dấu, số lượng, kích thước con dấu... Cải cách này được sự hưởng ứng từ doanh nghiệp do đã hạn chế những rủi ro từ việc con dấu bị một bên chiếm đoạt, gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp. Tuy nhiên, doanh nghiệp vẫn phải thông báo mẫu dấu theo quy định tại khoản 2 Điều 44 LDN năm 2014 và trên thực tế làm phát sinh thêm chi phí cho doanh nghiệp và nhà nước. Theo báo cáo của Chính phủ tổng kết thực hiện LDN năm 2014 trình tại kì họp thứ 8, Ngân hàng Thế giới đánh giá việc duy trì thủ tục thông báo mẫu dấu làm phát sinh thêm một thủ tục hành chính, ảnh hưởng đến xếp hạng chỉ số khởi sự kinh doanh, hạ thấp thứ hạng về khởi sự kinh doanh của Việt Nam trên thế giới.

+ Bỏ thủ tục thông báo mẫu dấu sẽ có nhiều tác động tích cực như sau<sup>10</sup>: 1) Thủ tục

<sup>10</sup> Chính phủ, Báo cáo số 73 /BC-CP ngày 05/3/2020 về việc tiếp thu, giải trình ý kiến các đại biểu Quốc hội đối với dự án Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) tại kì họp thứ 8, <https://duthaoonline.quochoi.vn/Pages/dsduthao/chitietduthao.aspx?id=1773>, truy cập 02/9/2021.



thông báo mẫu dấu cho cơ quan đăng kí kinh doanh chỉ là để công khai mẫu dấu của doanh nghiệp trên cổng thông tin về đăng kí doanh nghiệp, không phải là thủ tục xin phép sử dụng dấu; 2) Việc bỏ thủ tục thông báo mẫu dấu sẽ không làm phát sinh tranh chấp con dấu của doanh nghiệp; doanh nghiệp có thể tự công khai mẫu dấu của mình trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp để bảo vệ quyền lợi của bản thân hoặc theo yêu cầu của bên thứ ba; 3) Việc bỏ thủ tục thông báo mẫu dấu sẽ góp phần cắt giảm chi phí gia nhập thị trường, nâng xếp hạng về môi trường kinh doanh của nước ta theo yêu cầu của Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ nhằm tập trung cải thiện môi trường kinh doanh, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn quy trình xử lí, giảm số lượng và đơn giản hoá nội dung hồ sơ, giảm thời gian và chi phí thực hiện thủ tục hành chính; Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp và Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021; 4) Trong bối cảnh đẩy mạnh ứng dụng thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, cần tạo điều kiện cho doanh nghiệp chủ động ứng dụng các phương tiện khoa học, công nghệ (như ứng dụng dấu điện tử, chữ kí điện tử hoặc công nghệ blockchain...), qua đó tạo thuận lợi cho doanh nghiệp hội nhập kinh tế quốc tế.

- Bổ sung quy định về trình tự, thủ tục đăng kí doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử tại Điều 26 LDN năm 2020.

LDN năm 2014 không quy định về trình tự, thủ tục đăng kí doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử mà trao thẩm quyền quy định vấn đề này cho Chính phủ. Ngày 14/9/2015, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 78/2015/NĐ-CP về đăng kí doanh nghiệp có nội dung hướng dẫn trình tự, thủ tục đăng kí doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử từ Điều 35 đến Điều 39. Với việc luật hoá quy định về đăng kí doanh nghiệp qua mạng điện tử của LDN năm 2020 tạo cơ sở pháp lí có giá trị cao hơn, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp khi đăng kí doanh nghiệp qua mạng điện tử; góp phần đẩy mạnh tỉ lệ đăng kí doanh nghiệp qua mạng điện tử trong thời gian tới; cắt giảm chi phí và thời gian đăng kí doanh nghiệp theo tinh thần Nghị quyết số 02/NQ-CP. Quy định đăng kí doanh nghiệp qua mạng điện tử tại LDN năm 2020 còn thể hiện sự nỗ lực của Nhà nước nhằm xây dựng nền hành chính văn minh, giảm thiểu tiêu cực của cơ quan hành chính nhà nước, thống nhất với quan điểm chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 724/Đ-ĐTg ngày 17/6/2019 về việc tăng cường các biện pháp phòng ngừa tiêu cực, tham nhũng trong hoạt động công vụ và Chỉ thị số 10/CT-ĐTg ngày 22/4/2019 về việc tăng cường xử lí, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc.

*Thứ hai*, hoàn thiện quy định về quản trị công ti

Quản trị công ti tốt sẽ nâng cao năng lực cạnh tranh cho công ti, tạo dựng niềm tin của thị trường và đạo đức kinh doanh; gia tăng giá trị vốn đầu tư cho các chủ thể đầu tư vốn vào công ti. Trong nền kinh tế hiện nay, các nhà hoạch định chính sách càng nhận thức rõ hơn về vai trò quan trọng của quản trị công ti

đối với sự ổn định của thị trường và phát triển kinh tế quốc gia vì công ti đóng vai trò nòng cốt hỗ trợ phát triển thị trường tài chính và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Khung pháp lí về quản trị công ti ở Việt Nam ngày càng hoàn thiện đáp ứng các nguyên tắc quản trị công ti theo thông lệ tốt nhất. Kế thừa quy định của LDN năm 2014 về quy định quản trị công ti dựa trên những trụ cột nguyên tắc cơ bản về quản trị công ti của Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) đồng thời sửa đổi một số quy định về quản trị công ti nhằm tiệm cận gần hơn các khuyến nghị về thông lệ tốt nhất trong quản trị công ti, LDN năm 2020 đã hoàn thiện quy định về quản trị công ti như sau:

Hoàn thiện quy định pháp luật về bảo vệ và thực thi quyền của cổ đông, thiết lập khuôn khổ quản trị công ti đảm bảo đối xử bình đẳng đối với mọi cổ đông: mọi cổ đông phải có cơ hội khiếu nại hiệu quả khi quyền lợi của họ bị vi phạm; cổ đông thiểu số phải được bảo vệ khỏi các hành động lạm dụng trực tiếp hoặc gián tiếp từ các cổ đông nắm quyền kiểm soát và họ cần có các phương tiện khiếu nại hiệu quả ngăn cấm giao dịch nội gián và lạm dụng mua bán tư lợi cá nhân<sup>11</sup>. Bảo vệ quyền của cổ đông thiểu số và nhóm cổ đông trong doanh nghiệp, từ đó góp phần quan trọng trong thu hút các nguồn lực đầu tư vào doanh nghiệp. LDN năm 2020 đã bổ sung các điều luật vừa đáp ứng các nguyên tắc quản trị công ti vừa đảm bảo sự thống nhất của hệ thống pháp luật, cụ thể:

- Chính sửa làm rõ hơn khái niệm người có quan hệ gia đình; sửa đổi khái niệm người

có liên quan (các khoản 22, 23 Điều 4 LDN năm 2020) để thống nhất với Bộ luật Dân sự, Luật Phòng chống tham nhũng, Luật Chứng khoán...

- Bổ sung quy định về trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật để xác định rõ hơn trách nhiệm của doanh nghiệp đối với bên thứ ba và trách nhiệm của những người đại diện theo pháp luật đối với doanh nghiệp trong trường hợp công ti có nhiều hơn một người đại diện theo pháp luật nhưng điều lệ công ti không phân định rõ ràng quyền, nghĩa vụ của các người đại diện theo pháp luật (khoản 2 Điều 12 LDN năm 2020) nhằm tương thích với quy định tại các điều 137, 143 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- LDN năm 2020 giảm tỉ lệ sở hữu cổ phần để các cổ đông có cơ hội tham gia các cuộc họp đại hội đồng cổ đông: cuộc họp đại hội cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết (khoản 1 Điều 145); các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành... (khoản 2 Điều 154) so với tỉ lệ đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phiếu biểu quyết quy định tại LDN năm 2014 (khoản 1 Điều 141, khoản 2 Điều 144).

- Giảm tỉ lệ sở hữu cổ phần, bỏ quy định về thời gian sở hữu cổ phần để cổ đông phổ thông thực hiện một số quyền, cụ thể là:

+ Cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần trở lên hoặc một tỉ lệ khác nhỏ hơn quy định tại điều lệ công ti có quyền xem xét số biên bản, nghị quyết, quyết định, báo cáo tài chính của hội đồng quản trị; yêu cầu triệu tập họp đại hội đồng cổ đông; yêu cầu ban kiểm soát kiểm tra vấn đề cụ thể liên quan đến quản lí, điều hành của công ti khi cần

<sup>11</sup> International Finance Corporation, *Các nguyên tắc quản trị công ti của OECD*, <https://www.oecd.org/daf/ca/corporategovernanceprinciples/45034702.pdf>, truy cập 02/9/2021.



thiết (khoản 2 Điều 115 LDN năm 2020) so với LDN năm 2014 tỉ lệ này là từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng hoặc một tỉ lệ khác nhỏ hơn quy định tại điều lệ công ti. Lí giải về quy định giảm điều kiện về tỉ lệ sở hữu cổ phần từ 10% xuống 05% để cổ đông thực hiện một số quyền quan trọng như: tiếp cận thông tin về hoạt động công ti, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông... (riêng quyền đề cử thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát vẫn giữ nguyên như quy định của LDN năm 2014, tức là vẫn yêu cầu cổ đông phải sở hữu từ 10% cổ phần phổ thông trở lên) vì:

+ Nhằm đảm bảo sự thống nhất với quy định của Luật Chứng khoán năm 2019 và phù hợp với thông lệ quốc tế. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy các quy định về điều kiện sở hữu cổ phần nêu trên dao động chủ yếu từ 1 - 5%; ví dụ: Hàn Quốc, Bồ Đào Nha là 1%; Nhật Bản, Tây Ban Nha là 3%; Đan Mạch, Phần Lan, Na Uy, New Zealand... là 5%<sup>12</sup>.

+ Việc bãi bỏ quy định về thời gian sở hữu “ít nhất 06 tháng liên tục” nhằm bảo vệ lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Thực tế, nhiều trường hợp các nhà đầu tư đã mua lượng cổ phần rất lớn trong doanh nghiệp nhưng do chưa đáp ứng được quy định về thời gian sở hữu ít nhất 06 tháng liên tục, do đó đã không thực hiện được quyền và lợi ích chính đáng của mình. Do đó LDN năm 2020 đã bỏ quy định cổ đông phải đáp ứng điều kiện về thời gian sở hữu cổ phần để thực hiện một số quyền của cổ đông. Ví dụ: Khoản 1 Điều 166 LDN năm 2020 chỉ quy định về cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu tỉ lệ tối thiểu cổ phần phổ thông (ít nhất 01%

tổng số cổ phần phổ thông) có quyền khởi kiện người quản lí công ti mà không quy định về thời gian sở hữu tỉ lệ cổ phần đó là 06 tháng như quy định tại khoản 1 Điều 161 của LDN năm 2014.

Ngoài ra, LDN năm 2020 có một số điểm mới khác về quản trị công ti như: 1) bổ sung quy định về quyền yêu cầu toà án hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị tại khoản 4 Điều 153 LDN năm 2020 so với quy định tại khoản 4 Điều 149 LDN năm 2014; 2) về nhiệm kì của thành viên độc lập hội đồng quản trị tại khoản 2 Điều 154; 3) bổ sung quy định chi tiết hơn về vai trò, nhiệm vụ, cơ cấu của uỷ ban kiểm toán thuộc hội đồng quản trị (Điều 161); 4) quy định về trách nhiệm liên đới của người quản lí công ti đối với thiệt hại của công ti (khoản 2 Điều 165); 5) chỉnh sửa quy định về tiêu chuẩn kiểm soát viên để xác định tiêu chuẩn chuyên môn cụ thể (Điều 103, Điều 169) thay vì quy định chung tại khoản 3 Điều 82 LDN năm 2014 là “đủ trình độ chuyên môn”; 6) quy định về trường hợp công ti trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên phải thành lập ban kiểm soát (Điều 54); tăng thêm quyền hạn cho đại hội đồng cổ đông (các điểm k, l, m khoản 2 Điều 138); cơ chế ủy quyền cho nhiều người dự họp đại hội đồng cổ đông (khoản 1 Điều 144).

*Thứ ba*, một số điểm mới khác của LDN năm 2020

- Sửa đổi khái niệm doanh nghiệp nhà nước: LDN năm 2020 quy định doanh nghiệp nhà nước là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có biểu quyết (khoản 11 Điều 4; khoản 1 Điều 88) khác với cách hiểu doanh nghiệp nhà nước là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ của

<sup>12</sup> Ủy ban Kinh tế Quốc hội, Báo cáo số 1850/BC-UBKT14 ngày 10/3/2020 về một số vấn đề lớn về dự án Luật Doanh nghiệp (sửa đổi).

LDN năm 2014 (khoản 8 Điều 4). LDN năm 2020 thay đổi khái niệm doanh nghiệp nhà nước nhằm để cụ thể hoá Nghị quyết Trung ương 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, trong đó xác định: “Doanh nghiệp nhà nước là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc cổ phần, vốn góp chi phối; được tổ chức và hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn”. Đồng thời, ti lệ này cũng phù hợp với với các cam kết, thông lệ quốc tế.

- Quy định về doanh nghiệp tư nhân được chuyển đổi thành công ty cổ phần, công ty hợp danh. Đây là quy định mới của LDN năm 2020 (Điều 205) so với quy định của LDN năm 2014 thì doanh nghiệp tư nhân chỉ được chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn (Điều 199). Quy định của LDN năm 2020 về chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành các loại hình công ty khác sẽ tạo cơ sở pháp lý để chủ doanh nghiệp tư nhân linh hoạt hơn khi thay đổi mô hình kinh doanh thích ứng với điều kiện thực tiễn.

*2.2. Những tác động tích cực mang tính dự báo của Luật Doanh nghiệp năm 2020 tới hoạt động kinh doanh*

Một là, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế nói chung và các doanh nghiệp Việt Nam nói riêng

Về lí luận, pháp luật phải có cơ chế phù hợp với sự phát triển của kinh tế thị trường để ghi nhận ba yếu tố cơ bản là “(1) tự do cá nhân, (2) tự do sở hữu và (3) khuyến khích các quan hệ hợp đồng”<sup>13</sup>. Tự do cá nhân và

tự do sở hữu là những tiền đề để hình thành, phát triển quyền tự do kinh doanh. Quyền tự do kinh doanh lại tồn tại như một nhu cầu tất yếu của sự phát triển kinh tế-xã hội và được thể hiện ở các phương diện: quyền được bảo đảm được sở hữu với tài sản; quyền tự do thành lập doanh nghiệp; quyền tự do hợp đồng; quyền tự do cạnh tranh và quyền tự do định đoạt các phương thức giải quyết tranh chấp. Trong các quyền tự do kinh doanh thì quyền tự do thành lập doanh nghiệp là một quyền quan trọng. Theo quan điểm của tác giả Bùi Ngọc Cường: “... tôn trọng quyền tự do kinh doanh là tôn trọng những quy luật trong mọi nền kinh tế thị trường... và để đảm bảo quyền tự do kinh doanh thì các điều kiện sau đây cần được đáp ứng: (i) phải mở rộng đối tượng được phép kinh doanh; (ii) phải có nhiều mô hình tổ chức kinh doanh để nhà đầu tư được lựa chọn; (iii) thủ tục thành lập và đăng kí kinh doanh phải đơn giản, thuận tiện; (iv) Nhà nước phải quy định một cách minh bạch những ngành nghề kinh doanh nào bị cấm; những ngành nghề kinh doanh nào đòi hỏi phải có điều kiện, điều kiện đó là gì?”<sup>14</sup>. Nếu quyền tự do kinh doanh của cá nhân, tổ chức ngày càng được đảm bảo cao hơn sẽ cải thiện môi trường kinh doanh, thu hút các nguồn vốn đầu tư cho sự phát triển kinh tế và nâng cao sức cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam. Cùng với những quy định sửa đổi điều kiện kinh doanh của Luật Đầu tư năm 2020, đồng thời rà soát phù hợp với quy định của Hiến pháp, Bộ luật Dân sự, Bộ luật Hình sự, Luật Phòng chống tham nhũng, Luật Chứng khoán, Luật Quản

<sup>13</sup> Ủy ban Kinh tế của Quốc hội, *Thể chế pháp luật kinh tế một số quốc gia trên thế giới*, sách chuyên khảo, Nxb. Tài chính, Hà Nội, 2016, tr. 27.

<sup>14</sup> Bùi Ngọc Cường, *Một số vấn đề về quyền tự do kinh doanh trong pháp luật kinh tế hiện hành ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr. 30.



lí thuế... các quy định về gia nhập thị trường của LDN năm 2020 được sửa theo hướng đảm bảo tốt hơn quyền tự do kinh doanh như đơn giản hoá các thủ tục hành chính trong hoạt động kinh doanh, bãi bỏ hoàn toàn các thủ tục không cần thiết như: thông báo thay đổi thông tin của người quản lí doanh nghiệp, thông báo mẫu dấu... Những quy định sửa đổi đó của LDN năm 2020 sẽ giúp nhà đầu tư tiết kiệm được hàng triệu lượt thủ tục hành chính cho doanh nghiệp, tạo thuận lợi hơn cho việc đăng kí doanh nghiệp, cắt giảm chi phí, thời gian trong khởi sự kinh doanh và đảm bảo tính minh bạch, thống nhất trong thực hiện pháp luật doanh nghiệp và pháp luật có liên quan. Đó sẽ là những cơ sở pháp lí để tác động đến sự phát triển tích cực và bền vững của các doanh nghiệp ở Việt Nam trong tương lai.

Một số điểm mới khác của LDN năm 2020 về tổ chức lại doanh nghiệp với mục đích nhằm đơn giản hơn về các thủ tục hành chính, cắt giảm chi phí, tiết kiệm thời gian và gia tăng quyền tự chủ linh hoạt hơn cho doanh nghiệp trong việc tái cấu trúc lại doanh nghiệp cũng sẽ là những điểm mới có tác động tích cực đến sự phát triển hiệu quả hơn của hệ thống doanh nghiệp.

*Hai là*, hoàn thiện khuôn khổ pháp lí về quản trị doanh nghiệp nhằm nâng cao mức độ bảo vệ nhà đầu tư, cổ đông theo chuẩn mực, thông lệ quốc tế tốt và phổ biến, giúp hoạt động của các doanh nghiệp hiệu quả, phát triển bền vững

Quy định hoàn thiện quản trị doanh nghiệp của LDN năm 2020 nói chung và đặc biệt là những quy định sửa đổi quản trị công ti cổ phần nói riêng sẽ góp phần đảm bảo lợi ích của doanh nghiệp và cổ đông, đặc biệt là các cổ đông nhỏ, đồng thời gia tăng áp lực

với người quản lí công ti trong thực hiện nhiệm vụ được giao; qua đó thúc đẩy quản trị doanh nghiệp tốt hơn, nâng cao lợi ích cho chính doanh nghiệp, cổ đông và thúc đẩy phát triển kinh tế, góp phần giảm thiểu rủi ro đối với hoạt động kinh doanh và đối với những người tham gia quản lí, vận hành việc kinh doanh. Với những điểm mới về khung pháp lí quản trị doanh nghiệp, LDN năm 2020 có sứ mệnh là xây dựng khung pháp lí về tổ chức quản trị doanh nghiệp đạt chuẩn mực thông lệ tốt mà mục tiêu trong thời gian tới để tăng điểm số của các doanh nghiệp Việt Nam trong thể điểm quản trị công ti ASEAN<sup>15</sup> và nâng cao vị thế của doanh nghiệp Việt Nam trên thị trường khu vực và quốc tế.

*Ba là*, nâng cao năng lực quản trị và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước

Nhằm thể chế hoá đầy đủ nội dung của nghị quyết của Đảng về phát triển kinh tế tư nhân, nâng cao hiệu lực quản trị và hiệu quả hoạt động doanh nghiệp nhà nước, LDN năm 2020 đã sửa đổi nhiều quy định về doanh nghiệp nhà nước so với LDN năm 2014. Những quy định sửa đổi này sẽ góp phần hạn

<sup>15</sup> Dự án Thể điểm quản trị công ti khu vực ASEAN được chính thức bắt đầu thực hiện từ năm 2011 như một phần quan trọng trong Kế hoạch tổng thể của Diễn đàn Thị trường vốn ASEAN (ACMF) hướng đến sự hợp nhất của khối ASEAN như một cộng đồng kinh tế chung thịnh vượng và lớn mạnh. Thể điểm hướng đến mục tiêu nâng tầm chuẩn mực quản trị công ti ở các doanh nghiệp ASEAN và giúp các nhà đầu tư có cái nhìn rõ hơn về những doanh nghiệp có hệ thống quản trị công ti tốt, thông qua đó nâng cao khả năng thu hút đầu tư, tôn vinh hình ảnh và thương hiệu ASEAN trên thị trường vốn quốc tế. Xem: IFC, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Cục kinh tế Liên bang Thụy Sĩ (SECO), *Báo cáo quản trị công ti Việt Nam theo thể điểm quản trị công ti khu vực Asean*, <https://viod.vn/wp-content/uploads/2020/01/2017-ACGS-Vietnam-Country-Report-VIE-Jan-20-2020.pdf>, truy cập 02/9/2021.

chế được xung đột lợi ích, kiểm soát được giao dịch với người có liên quan, các giao dịch nhằm chiếm đoạt tài sản của doanh nghiệp nhà nước. Đồng thời, năng lực quản trị của doanh nghiệp nhà nước được cải thiện do nâng cao các yêu cầu về chuyên môn, trình độ của người quản lý, gia tăng cơ hội kinh doanh, thu hút vốn bên ngoài cho doanh nghiệp. Ngoài ra, quy định về doanh nghiệp nhà nước còn góp phần thúc đẩy quá trình cổ phần hoá doanh nghiệp và bảo toàn được vốn đầu tư của nhà nước vào doanh nghiệp.

LDN năm 2020 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 nên cần có thời gian để kiểm nghiệm về những tác động tích cực và tính hiệu quả. Sau một thời gian thực hiện LDN năm 2020, trên cơ sở đánh giá quá trình thực hiện LDN năm 2020; đánh giá sự phù hợp của quy định quản trị doanh nghiệp với Bộ nguyên tắc quản trị công ti theo thông lệ tốt nhất; rà soát sự tương thích, phù hợp, đồng bộ, thống nhất giữa quy định của LDN năm 2020 với các văn bản pháp luật khác có liên quan sẽ tổng kết lại những thành công, bất cập của pháp luật và hướng hoàn thiện. Hoàn thiện pháp luật từ cơ sở lý luận và tổng kết thực tiễn thực hiện pháp luật nhằm mục đích để LDN ngày càng thu hút nguồn lực đầu tư vào kinh doanh; nâng cao cơ chế bảo vệ hiệu quả quyền lợi hợp pháp cho nhà đầu tư, các chủ thể có liên quan; nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và chất lượng môi trường kinh doanh ở Việt Nam./.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ngô Huy Cương, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, *Sửa đổi Luật Doanh nghiệp năm 2005: phân tích, bình luận và kiến nghị*, <http://lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchi tiet.aspx?tintucid=208126>
2. Bùi Ngọc Cường, *Một số vấn đề về quyền tự do kinh doanh trong pháp luật kinh tế hiện hành ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.
3. Nguyễn Thị Dung, “Quyền tự do kinh doanh trong pháp luật Việt Nam - Động lực phát triển kinh tế-xã hội và những rào cản cần tháo gỡ” trong Sách chuyên khảo *Luật học Việt Nam - Những vấn đề đương đại*, Trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2019.
4. Dương Đăng Huệ, *Luật doanh nghiệp chung: cần hay không cần ban hành?*, <http://www.lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchi tiet.aspx?tintucid=208863>
5. International Finance Corporation, *Các nguyên tắc quản trị công ti của OECD*, <https://www.oecd.org/daf/ca/corporategovernanceprinciples/45034702.pdf>
6. Phạm Duy Nghĩa, *Chuyên khảo Luật Kinh tế*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2004.
7. Tổ chức Hợp tác kỹ thuật Đức, Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương, *Thời điểm cho sự thay đổi: Đánh giá Luật Doanh nghiệp và kiến nghị*, Chương trình phát triển Liên hợp quốc, Hà Nội, tháng 11/2004.
8. Ủy ban Kinh tế của Quốc hội, Nhóm tư vấn chính sách kinh tế vĩ mô, *Báo cáo kinh tế vĩ mô 2014*, [https://fsppm.fulbright.edu.vn/cache/Bao%20cao%20Kinh%20te%20vi%20mo%202014\\_Chuong%206-2014-09-29-13285654.pdf](https://fsppm.fulbright.edu.vn/cache/Bao%20cao%20Kinh%20te%20vi%20mo%202014_Chuong%206-2014-09-29-13285654.pdf)
9. Ủy ban Kinh tế của Quốc hội, *Thế chế pháp luật kinh tế một số quốc gia trên thế giới*, sách chuyên khảo, Nxb. Tài chính, Hà Nội, 2016.
10. Viện Khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp, *Chuyên đề về một số điểm mới cơ bản của Luật Doanh nghiệp*, Hà Nội, 2000.